

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	C25QT1		7,6	Bảy, sáu	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	C25QT1		7,0	Bảy	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	C25QT1		8,0	Tám	
4	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	C25QT1		8,8	Tám, tám	
5	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	C25QT1		7,7	Bảy, bảy	
6	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	C25QT1		7,8	Bảy, tám	
7	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005	C25QT1				
8	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	C25QT1		8,5	Tám rưỡi	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	C25QT1		8,5	Tám rưỡi	
10	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	C25QT1		7,8	Bảy, tám	
11	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	C25QT1		7,2	Bảy, hai	
12	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	C25QT1		7,5	Bảy rưỡi	
13	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	C25QT1		8,7	Tám, bảy	
14	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	C25QT1		7,9	Bảy, chín	
15	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	C25QT1		8,5	Tám rưỡi	
16	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	C25QT1		8,7	Tám, bảy	
17	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	C25QT1		8,5	Tám rưỡi	
18	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	C25QT1		8,3	Tám, ba	
19	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	C25QT1		8,5	Tám rưỡi	
20	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	C25QT1		9,1	Chín, một	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	C25QT1		7,9	Bảy, chín	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	C25QT1		8,1	Tám, một	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	C25QT1		7,8	Bảy, tám	
24	2310100016	Huỳnh Hoa Thùy Tiên	17/08/2005	C25QT1		8,9	Tám, chín	
25	2310100026	Trần Thị Thùy Tiên	16/10/2005	C25QT1		8,7	Tám, bảy	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	C25QT1		7,8	Bảy, tám	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	28/04/2005	C25QT1		8,6	Tam', sau'	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 6...tháng 9...năm...2025

Ngày...5...tháng...9...năm...2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	C25QT1		6,0	Sau	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	C25QT1		7,7	Bay, bay	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	C25QT1		8,3	Tam, ba	
4	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	C25QT1		7,0	Bay	
5	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	C25QT1		6,5	Sau rồi	
6	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	C25QT1		6,7	Sau, bay	
7	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005	C25QT1				
8	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	C25QT1		6,7	Sau, bay	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	C25QT1		9,3	Chín, ba	
10	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	C25QT1		7,0	Bay	
11	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	C25QT1		6,5	Sau rồi	
12	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	C25QT1		7,7	Bay, bay	
13	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	C25QT1		7,0	Bay	
14	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	C25QT1		8,7	Tam, bay	
15	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	C25QT1		7,3	Bay, ba	
16	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	C25QT1		8,0	Tam	
17	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	C25QT1		9,3	Chín, ba	
18	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	C25QT1		7,7	Bay, bay	
19	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	C25QT1		7,3	Bay, ba	
20	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	C25QT1		8,3	Tam, ba	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	C25QT1		8,0	Tam	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	C25QT1		7,3	Bay, ba	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	C25QT1		8,7	Tam, bay	
24	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	C25QT1		5,5	Năm rồi	
25	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	C25QT1		7,3	Bay, ba	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	C25QT1		6,7	Sau, bay	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2310100020	Nguyễn Thị Thanh	28/04/2005	C25QT1	<i>Thanh</i>	7,3	Bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thanh

Trần Thị Hòa

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thanh

Trần Thị Hòa

TR
I
B.



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	C25QT2	<i>Cam</i>	7,9	Bay, chín
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	<i>huynh</i>	5,2	Nam, hai
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	<i>linh</i>	8,0	Tam
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	<i>linh</i>	8,1	Tam, một
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	<i>linh</i>	8,1	Tam, một
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	<i>linh</i>	8,3	Tam, ba
7	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2	<i>nga</i>	5,0	Nam
8	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	<i>thi</i>	7,1	Bay, một
9	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	<i>thi</i>	8,0	Tam
10	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	<i>phat</i>	7,3	Bay, ba
11	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	<i>phuc</i>	7,3	Bay, ba
12	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	<i>quân</i>	8,1	Tam, một
13	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quên	26/07/2005	C25QT2	<i>phuong</i>	8,5	Tam, một
14	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	<i>thao</i>	8,0	Tam
15	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	<i>thuy</i>	7,9	Bay, chín
16	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	<i>trung</i>	8,1	Tam, một
17	2310100056	Nguyễn Nhật	Trường	06/02/2005	C25QT2	<i>trung</i>	8,0	Tam
18	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	<i>tuyet</i>	7,5	Bay, một
19	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	<i>tung</i>	8,5	Tam, một
20	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	<i>tu</i>	8,0	Tam
21	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	<i>vy</i>	7,8	Bay, tam

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____

Ngày: 6 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 5 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ GTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	C25QT2	Cam	7,0	Bảy	
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	Huỳnh	5,3	Năm, ba	
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	Linh	7,3	Bảy, ba	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	Linh	7,0	Bảy	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	Tu	6,5	Sáu, năm	
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	Linh	7,0	Bảy	
7	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2				
8	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	HK	6,7	Sáu, bảy	
9	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	Anhi	8,3	Tám, ba	
10	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	Ph	7,7	Bảy, bảy	
11	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	Diaphuoc	7,3	Bảy, ba	
12	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	Qua	5,0	Năm	
13	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quỳên	26/07/2005	C25QT2	Qua	8,7	Tám, bảy	
14	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	Thao	7,7	Bảy, bảy	
15	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	Thuy	7,3	Bảy, ba	
16	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	Trung	6,7	Sáu, bảy	
17	2310100056	Nguyễn Nhật	Trường	06/02/2005	C25QT2	Tru	7,0	Bảy	
18	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	Tuyết	5,3	Năm, ba	
19	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	Tu	7,7	Bảy, bảy	
20	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	Phu	7,0	Bảy	
21	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	Tri	6,7	Sáu, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc Duy	16/05/2005	C25QT3		7,8	Bảy, tám	
2	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003	C25QT3		7,8	Bảy, tám	
3	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005	C25QT3		8,0	Tám	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005	C25QT3		8,8	Tám, tám	
5	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005	C25QT3		7,1	Bảy, một	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005	C25QT3		6,0	Sáu	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004	C25QT3		7,3	Bảy, ba	
8	2310100080	Đặng Trần Hoàng Phước	12/11/1999	C25QT3		7,5	Bảy, năm	
9	2310100075	Nguyễn Đình Quý	28/01/2004	C25QT3		7,7	Bảy, bảy	
10	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005	C25QT3		8,3	Tám, ba	
11	2310100081	Hồ Bảo Trân	10/06/2005	C25QT3		8,0	Tám	
12	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	02/12/2005	C25QT3		7,8	Bảy, tám	
13	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	C25QT3		8,3	Tám, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 . Số bài thi: 13 / 13 .

Ngày: 6 tháng 9 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 5 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Duy	16/05/2005	C25QT3	Duy	9,3	Chín, ba	
2	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003	C25QT3	Đạt	7,0	Bảy	
3	2310040043	Phan Xuân	Khôi	02/11/2005	C25QT3	Phan	5,5	Năm rưỡi	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân	Nghi	07/06/2005	C25QT3	Nghi	7,3	Bảy, ba	
5	2310100079	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/12/2005	C25QT3	Ngọc	8,0	Tám	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/07/2005	C25QT3	Kim	7,0	Bảy	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	Ngọc	18/12/2004	C25QT3	Phạm	6,0	Sáu	
8	2310100080	Đặng Trần Hoàng	Phước	12/11/1999	C25QT3	Phước	6,5	Sáu rưỡi	
9	2310100075	Nguyễn Đình	Quý	28/01/2004	C25QT3	Quý	6,7	Sáu, bảy	
10	2310100083	Trừ Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005	C25QT3	Trừ	9,7	Chín, bảy	
11	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005	C25QT3	Trân	7,0	Bảy	
12	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	02/12/2005	C25QT3	Trinh	7,0	Bảy	
13	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005	C25QT3	Thanh	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 13 vắng thi: 0. Số bài thi: 13 / 13.

Ngày: 17 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100034	Phạm Thành Đạt		08/09/2004	C24QT3				
2	2210100086	Đặng Văn Hòa		29/03/2004	C24QT3		7,5	Bảy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 6 tháng 9 năm 2025

1 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 05 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100034	Phạm Thành Đạt		08/09/2004	C24QT3				
2	2210100086	Đặng Văn Hòa		29/03/2004	C24QT3	<i>Heu</i>	6.7	sau, bay?	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày 17 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

*Trần Thị Hoa*Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 07/11/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Trần Thị Hoa

Ký tên: 

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004				C25QT2	
2	2210100086	Đặng Văn	Hòa	29/03/2004				C24QT3	
3	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005				C25QT2	
4	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005				C25QT2	
5	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005				C25QT2	
6	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005				C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005				C25QT2	
8	2310100079	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/12/2005				C25QT3	
9	2310100073	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/07/2005				C25QT3	
10	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	Ngọc	18/12/2004				C25QT3	
11	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004				C25QT2	
12	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005				C25QT2	
13	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005				C25QT2	
14	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005				C25QT2	
15	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quên	26/07/2005				C25QT2	
16	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005				C25QT2	
17	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005				C25QT2	
18	2310100083	Trù Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005				C25QT3	
19	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005				C25QT3	
20	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	02/12/2005				C25QT3	
21	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005				C25QT2	
22	2310100056	Nguyễn Nhứt	Trường	06/02/2005				C25QT2	
23	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004				C25QT2	
24	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005				C25QT2	
25	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005				C25QT2	
26	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005				C25QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005					C25QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 24 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 09 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 08 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

**RÚC
PHỒ
VÀ E**

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Quản trị dịch vụ

Mã bài thi: 50VPOA

Thời gian thi: 07/11/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 07/11/2025 16:15:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa
Giám thị 2: Đặng Minh Tâm Ký tên: Đặng Minh Tâm
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004	<u>Cam</u>	9.2	Chín, hai	C25QT2	
2	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004	<u>Hoa</u>	7	Bảy	C24QT3	
3	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005	<u>Huỳnh</u>	5.8	Năm, tám	C25QT2	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005	<u>Linh</u>	9.2	Chín, hai	C25QT2	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<u>Linh</u>	8.4	Tám, bốn	C25QT2	
6	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005	<u>Linh</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005	<u>Linh</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
8	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005	<u>Ngọc</u>	6	Sáu	C25QT3	
9	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005	<u>Ngọc</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT3	
10	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004	<u>Ngọc</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT3	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005	<u>Nhi</u>	7.4	Bảy, bốn	C25QT2	
12	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005	<u>Phát</u>	6	Sáu	C25QT2	
13	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005	<u>Phước</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT2	
14	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005	<u>Quyên</u>	7	Bảy	C25QT2	
15	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005	<u>Thảo</u>	6.8	Sáu, tám	C25QT2	
16	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	<u>Thủy</u>	7	Bảy	C25QT2	
17	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005	<u>Tiên</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT3	
18	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005	<u>Trung</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
19	2310100056	Nguyễn Nhật Trường	06/02/2005	<u>Trường</u>	6.8	Sáu, tám	C25QT2	
20	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005	<u>Tú</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT2	
21	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005	<u>Tùng</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT2	
22	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004	<u>Tuyết</u>	6	Sáu	C25QT2	
23	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005	<u>Vy</u>	6.8	Sáu, tám	C25QT2	
24	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	<u>Vy</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 24

Số sinh viên đạt: 24

Ngày 07 tháng 11 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày 08 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Quản trị dịch vụ - MH1104047

Mã lớp học phần: 25111MH110404701 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 07/11/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên:

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005					C25QT1	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005					C25QT1	
3	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003					C25QT3	
4	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004					C25QT1	
5	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002					C25QT1	
6	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005					C25QT1	
7	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005					C25QT1	
8	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005					C25QT3	
9	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005					C25QT1	
10	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999					C25QT1	
11	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005					C25QT3	
12	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005					C25QT1	
13	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004					C25QT1	
14	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005					C25QT1	
15	2310100032	Lê Thị Ngọc Quí	06/01/2005					C25QT1	
16	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005					C25QT1	
17	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005					C25QT1	
18	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005					C25QT1	
19	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002					C25QT1	
20	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005					C25QT1	
21	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005					C25QT1	
22	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003					C25QT1	
23	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005					C25QT1	
24	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005					C25QT1	
25	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005					C25QT1	
26	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005					C25QT1	
27	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005					C25QT1	
28	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005					C25QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005					C25QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 29 / 29.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 09 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa.

Ngày: 08 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa.

TRƯỜNG CĐBC
PHÒNG QUẢN
VÀ BẢO ĐẢM

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Quản trị dịch vụ

Mã bài thi: LI56GV

Thời gian thi: 07/11/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 07/11/2025 16:15:00

Giám thị 1: CTC Ký tên: SA

Giám thị 2: NU Ký tên: W

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	<u>Bao</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
2	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003	<u>Dat</u>	8.2	Tám, hai	C25QT3	
3	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	<u>Dung</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
4	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	<u>Hai</u>	9.2	Chín, hai	C25QT1	
5	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>Hieu</u>	7.2	Bảy, hai	C25QT1	
6	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	<u>Hong</u>	7.2	Bảy, hai	C25QT1	
7	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	<u>Huy</u>	7.2	Bảy, hai	C25QT1	
8	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005	<u>Khoi</u>	7.4	Bảy, bốn	C25QT3	
9	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	<u>Ly</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
10	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	<u>Mo</u>	9.4	Chín, bốn	C25QT1	
11	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005	<u>Nghi</u>	8.4	Tám, bốn	C25QT3	
12	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	<u>Nghia</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
13	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	<u>Nhoc</u>	5	Năm	C25QT1	
14	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	<u>Nhu</u>	9.2	Chín, hai	C25QT1	
15	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	<u>Quy</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
16	2310100022	Son Thị Sa Rây	18/03/2005	<u>Ray</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT1	
17	2310010016	Cao Yên Tây	02/07/2005	<u>Tay</u>	8.4	Tám, bốn	C25QT1	
18	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	<u>Thanh</u>	7.4	Bảy, bốn	C25QT1	
19	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/02/2002	<u>Thao</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
20	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	<u>Thom</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	<u>Thu</u>	7.2	Bảy, hai	C25QT1	
22	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	<u>Thu</u>	8.8	Tám, tám	C25QT1	
23	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	<u>Thuy</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT1	
24	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	<u>Thy</u>	8.4	Tám, bốn	C25QT1	
25	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	<u>Thy</u>	7.4	Bảy, bốn	C25QT1	
26	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	<u>Tien</u>	7	Bảy	C25QT1	
27	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	<u>Tien</u>	6	Sáu	C25QT1	
28	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	<u>Tran</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT1	
29	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	<u>Tuyen</u>	- 6.8	Sáu, tám	C25QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 29

Ngày 03 tháng 11 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 08 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa